**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** **TỔ: TOÁN – LÝ - TIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, KHỐI LỚP 8**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp**; lớp Khối 8**; Số học sinh:** HS

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 0;

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính | 40 | Bài thực hành sgk |  |
| 2 | Tivi | 01 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 5 | Sách giáo khoa Tin học 8 | 2 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 6 | Sách giáo viên Tin học 8 | 01 quyển/khối | Bài lý thuyết, thực hành |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |
| --- |
| **Khối 8** |
| 2 |  | 01 | Bài 5. Sử dụng địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyệt đối trong công thức |  |
| 3 |  | 01 | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu |  |
| 4 |  | 01 | Bài 7. Tạo, chỉnh sửa biểu đồ |  |
| 5 |  | 01 | Bài 8a. Thêm hình minh hoạ cho văn bản |  |
| 6 |  | 01 | Bài 9a. Trình bày văn bản |  |
| 7 |  | 01 | Bài 10a. Trình bày trang chiếu |  |
| 8 |  | 01 | Bài 11a. Sử dụng bản mẫu |  |
| 9 |  | 01 | Bài 12. Thuật toán, chương trình máy tính |  |
| 10 |  | 01 | Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh |  |
| 11 |  | 01 | Bài 14. Cấu trúc lặp |  |
| 12 |  | 01 | Bài 15. Gỡ lỗi chương trình |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình**

**\* Môn học: Tin học 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT****(1)** | **Bài học****(2)** | **Tiết PPCT** | **Số tiết****(3)** | **YCCĐ****(4)** |
| **HỌC KỲ 1** |
|  | Bài 1. Lịch sử phát triển máy tính | 1,2 | 2 (2, 0) | ­ Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.­ Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người. |
|  | Bài 2. Thông tin trong môi trường số | 3,4 | 2 (2, 0) | * Nêu được các đặc điểm của thông tin số.– Trình bày được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đángtin cậy. Nêu được ví dụ minh hoạ.– Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số.Nêu được ví dụ minh hoạ.
 |
|  | Bài 3. Thông tin với giải quyết vấn đề | 5,6 | 2 (0, 2) | – Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ cụ thể.– Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề. Nêu đượcví dụ minh hoạ.– Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số.Nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Bài 4. Sử dụng công nghệ kĩ thuật số  | 7 | 1 (1, 0) | – Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức, pháp luật, thiếuvăn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.– Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tínhvăn hoá và không vi phạm pháp luật |
|  | Bài 5. Sử dụng địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyệt đối trong công thức | 8; 9 | 2 (1, 1) | – Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức.– Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối, địa chỉ hỗn hợp và địa chỉtuyệt đối của một ô tính. |
|  | Kiểm tra GHK1 | 10 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
|  | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu | 11, 12 | 2 (1, 1) | • Thực hiện được các thao tác sắp xếp, lọc dữ liệu.• Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng sắp xếp, lọc dữ liệu.• Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.• Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang tính. |
|  | Bài 7. Tạo, chỉnh sửa biểu đồ | 13, 14 | 2 (1, 1) | – Thực hiện được các thao tác tạo biểu đồ.– Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng tạo biểu đồ.– Sao chép được dữ liệu từ tệp trình chiếu sang trang tính.– Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế |
|  | Bài 8a. Thêm hình minh hoạ cho văn bảnBài 8B. Xử lí ảnh | 15, 16 | 2 (1, 1) | – Thực hiện được các thao tác vẽ hình đồ hoạ trong văn bản.– Thực hiện được các thao tác chèn thêm, co dãn, xoá hình ảnh.– Biết một số thao tác cơ bản chỉnh sửa ảnh kĩ thuật số.– Thực hiện được chọn vùng ảnh, thay đổi độ sáng, màu sắc, độ rực màu, độ sáng củađối tượng. |
|  | Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 1 | 17 | 1 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | KTHK1 | 18 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
| **HỌC KỲ 2** |
|  | Bài 9a. Trình bày văn bảnBài 9B. Ghép ảnh | 19, 20 | 2 (1, 1) | – Tạo được danh sách dạng liệt kê, đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang.– Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mĩ phục vụ nhu cầu thực tế– Thực hiện được thêm, xoá, thay đổi kích thước, di chuyển ảnh, thay đổi thứ tự lớp (layers).– Biết được vai trò của lớp trong xử lí ảnh. |
|  | Bài 10a. Trình bày trang chiếuBài 10B. Xoay, cắt, thêm chữ vào ảnh | 21, 22 | 2 (1, 1) | – Sử dụng được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung trang chiếu.– Đưa được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác.– Thực hiện được đánh số trang, thêm chân trang cho trang chiếu.– Thực hiện được xoay ảnh, cắt ảnh, thêm chữ vào ảnh. |
|  | Bài 11A. Sử dụng bản mẫuBài 11B. Tẩy, tạo hiệu ứng cho ảnh | 23, 24 | 2 (1, 1) | – Sử dụng được các bản mẫu cho bài trình chiếu.– Tạo được các sản phẩm số phục vụ học tập, giao lưu và trao đổi thông tin.– Thực hiện tẩy chi tiết không mong muốn trên bức ảnh; áp dụng hiệu ứng đểtạo bức ảnh phác hoạ, làm mờ viền bức ảnh để làm nổi bật đối tượng, tạo hiệu ứngchuyển động cho ảnh.– Thực hiện được việc lựa chọn kiểu tệp để lưu trữ kết quả xử lí ảnh phù hợp vớimục đích sử dụng. |
|  | Bài 12. Thuật toán, chương trình máy tính | 25, 26 | 2 (1, 1) | – Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trìnhđơn giản.– Thể hiện được cấu trúc tuần tự trong chương trình.– Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.– Nêu được khái niệm biến, hằng, kiểu dữ liệu và sử dụng được các khái niệm này ởcác chương trình đơn giản. |
|  | KTGHK2 | 27 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
|  | Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh | 28, 29 | 2 (1, 1) | - Thể hiện được cấu trúc rẽ nhánh trong chương trình.- Nêu được biểu thức và sử dụng được khái niệm này ở các chương trình đơn giản. |
|  | Bài 14. Cấu trúc lặp | 30, 31 | 2 (1, 1) | – Thể hiện được cấu trúc lặp trong chương trình. |
|  | Bài 15. Gỡ lỗi chương trình | 32 | 1 (0, 1) | – Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình. |
| **CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học** |
|  | Bài 16. Tin học với nghề nghiệp | 33 | 1 (1, 0) | – Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc.– Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đếnứng dụng tin học.– Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Ôn tập HK2 | 34 | 1 (1, 0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | KTHK2 | 35 | 1 (1, 0) |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| KHỐI 8 |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.- Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. | Viết |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)***Nguyễn Tấn Linh** | *Phú quý, ngày 6 tháng 9 năm 2023***P.HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)***Lương Khắc Sơn** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)